

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN  
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

*(Tính đến ngày 05/09/2021)*

**Khoa: Công nghệ thực phẩm**

*Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15*

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH61800633	Đặng Quốc Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
2	DH61801791	Phạm Xuân Quốc Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
3	DH61700385	Phạm Thế Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
4	DH61802725	Võ Trần Mỹ Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
5	DH61800828	Chế Thị Cẩm Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
6	DH61800920	Đặng Tấn Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
7	DH61806246	Tiêu Vỹ Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
8	DH61802735	Tạ Ngọc Phương Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP01
9	DH61802457	Nguyễn Bảo Nghi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
10	DH61703837	Trương Thanh Nhã	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TP01
11	DH61803360	Nguyễn Yên Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
12	DH61800192	Nguyễn Huỳnh Mai Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
13	DH61800048	Nguyễn Thị Ngọc Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
14	DH61801329	Hồ Minh Tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
15	DH61800063	Viên Bích Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
16	DH61802464	Phan Thị Thủy Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TP01
17	DH61801246	Lê Minh Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
18	DH61800019	Lê Cao Trí	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TP01
19	DH61801354	Nguyễn Nam Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
20	DH61802515	Dương Minh Hoàng Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
21	DH61802513	Hồ Thị Hoàng Yên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP01
1	DH61800955	Trần Ngọc Vân Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
2	DH61803454	Kiều Lý Ngọc Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
3	DH61803485	Đặng Công Hậu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP02
4	DH61803089	Lê Khắc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
5	DH61803821	Nguyễn Thị Thúy Huyền	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP02
6	DH61805004	Huỳnh Thị Hồng Loan	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TP02
7	DH61803606	Lê Thị Ngọc Mai	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TP02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
8	DH61801555	Cao Thị Kim Mẫn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
9	DH61803183	Nguyễn Thị Minh Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
10	DH61803043	Huỳnh Thị Kim Nhon	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP02
11	DH61800097	Trần Đại Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
12	DH61802812	Nguyễn Thị Minh Thùy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP02
13	DH61802678	Tô Thị Mỹ Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
14	DH61803607	Vô Thị Mỹ Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
15	DH61803916	Phạm Mỹ Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
16	DH61803524	Vô Ngọc Phương Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
17	DH61806419	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TP02
18	DH61803969	Vô Thị Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
19	DH61806019	Phạm Ngọc Lan Vi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
20	DH61803011	Lê Tuấn Vinh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TP02
21	DH61803824	Hạng Lê Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP02
1	DH61804474	Nguyễn Hải Đăng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TP03
2	DH61804490	Nguyễn Văn Đức	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TP03
3	DH61804603	Lê Thị Thu Hiền	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TP03
4	DH61804770	Trần Hoàng Thái Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP03
5	DH61804838	Tăng Tiến Khang	19.5	-	-	-	-	19.5	-	-	0	D18_TP03
6	DH61804841	Trương Gia Khang	23	-	-	-	-	23	-	-	0	D18_TP03
7	DH61804974	Lê Thị Thùy Linh	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D18_TP03
8	DH61805086	Phạm Phú Hoàng Minh	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TP03
9	DH61800418	Lê Thị Tuyết Ngân	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_TP03
10	DH61805198	Trịnh Hoàng Nguyên	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D18_TP03
11	DH61805244	Nguyễn Thị Yến Nhi	6	-	-	-	1	5	-	-	9	D18_TP03
12	DH61805280	Lê Trần Bảo Như	20	-	-	-	-	20	-	-	0	D18_TP03
13	DH61805285	Nguyễn Thị Huỳnh Như	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5	D18_TP03
14	DH61805391	Bùi Thị Kim Phương	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TP03
15	DH61804193	Dương Thị Mai Phương	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TP03
16	DH61805447	Cát Thị Ngọc Quỳnh	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_TP03
17	DH61805452	Phan Ngọc Diễm Quỳnh	11	-	-	-	2	9	-	-	4	D18_TP03
18	DH61805530	Lê Quốc Thái	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP03
19	DH61805570	Lê Thị Kim Thao	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TP03
20	DH61805648	Trương Hiếu Thảo	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D18_TP03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
21	DH61803860	Nguyễn Ngọc Anh Thy	44.5	-	-	-	-	44.5	-	-	0	D18_TP03
22	DH61805861	Nguyễn Lê Tú Trinh	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_TP03
23	DH61805879	Hồ Thụy Thanh Trúc	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_TP03
24	DH61805931	Lê Thị Cẩm Tú	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TP03
25	DH61806009	Giang Mỹ Vân	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TP03
1	DH61801027	Phạm Thị Lan Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP04
2	DH61801065	Huỳnh Gia Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP04
3	DH61801325	Đoàn Hữu Định	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP04
4	DH61801498	Phạm Thanh Hiếu	18.5	12	-	-	-	6.5	-	-	0	D18_TP04
5	DH61802261	Thiệu Thanh Hiếu	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TP04
6	DH61800599	Đoàn Thị Cẩm Hương	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TP04
7	DH61802455	Nguyễn Thị Lụa	24	16	-	-	-	8	-	-	0	D18_TP04
8	DH61801546	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	22	10	-	-	1	11	-	-	0	D18_TP04
9	DH61804160	Trần Nguyễn Tú Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TP04
10	DH61800795	Trần Hồng Phúc	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_TP04
11	DH61805395	Hồ Thị Mai Phương	19	-	-	-	-	19	-	-	0	D18_TP04
12	DH61800011	Nguyễn Hoàng Nam Phương	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_TP04
13	DH61801127	Nguyễn Thanh Thảo	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TP04
14	DH61805675	Nguyễn Hiệp Thuận	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_TP04
15	DH61805809	Phan Thị Kiều Trang	15.5	-	-	-	1	14.5	-	-	0	D18_TP04
16	DH61800971	Trịnh Thị Thùy Trang	21.5	14.5	-	-	-	7	-	-	0	D18_TP04
17	DH61806378	Hà Thị Ngọc Trâm	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TP04
18	DH61805858	Lê Thị Lan Trinh	16	-	-	-	1	15	-	-	0	D18_TP04
19	DH61801120	Lê Anh Tùng	22.5	16	-	-	-	6.5	-	-	0	D18_TP04
20	DH61802939	Bùi Quang Vinh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_TP04
21	DH61800182	Trần Chí Vỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TP04
1	DH61905079	Lê Quốc Anh	15	15	-	-	-	-	-	-	0	D19_TP01
2	DH61900696	Phạm Tú Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TP01
3	DH61903296	Lưu Chí Cường	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TP01
4	DH61903317	Diệp Cẩm Đình	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TP01
5	DH61900130	Mai Thanh Duy	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5	D19_TP01
6	DH61901821	Nguyễn Hoài Đông	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5	D19_TP01
7	DH61903571	Hà Minh Hiếu	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TP01
8	DH61900232	Võ Thị Quỳnh Hoa	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TP01

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
9	DH61900516	Đường	Chước Hòa	18	-	12	-	-	6	-	-	0	D19_TP01
10	DH61900437	Hồ	Chấn Huy	19	12.5	-	-	-	6.5	-	-	0	D19_TP01
11	DH61903711	Trần Thị	Ngọc Huyền	19	-	-	-	-	19	-	-	0	D19_TP01
12	DH61900747	Lương Thị	Thúy Huỳnh	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D19_TP01
13	DH61901593	Bùi	Tấn Khải	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TP01
14	DH61901736	Nguyễn	Tấn Khang	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TP01
15	DH61903875	Đặng Thị	Phương Linh	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TP01
16	DH61900640	Lê	Ngọc Yến Nhi	16.5	13	-	-	-	3.5	-	-	0	D19_TP01
17	DH61904166	Nguyễn	Thị Yến Nhi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TP01
18	DH61905279	Nguyễn	Thị Diễm Srong	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TP01
19	DH61904418	Nguyễn	Thị Thu Tâm	35.5	16	-	-	-	19.5	-	-	0	D19_TP01
20	DH61900556	Nguyễn	Thị Phương Thảo	16.5	8	-	-	-	8.5	-	-	0	D19_TP01
21	DH61900112	Phan	Thị Hồng Thắm	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TP01
22	DH61901284	Trương	Thị Hoài Thơ	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0	D19_TP01
23	DH61904579	Hứa	Chấn Thuận	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TP01
24	DH61901815	Trương	Hoàng Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TP01
25	DH61904705	Nguyễn	Thị Thùy Trâm	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_TP01
26	DH61900748	Châu	Thị Bảo Trân	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D19_TP01
27	DH61901836	Tô	Thị Thanh Triên	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TP01
28	DH61904853	Trần	Ngọc Phương Uyên	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_TP01
29	DH61900413	Trương	Kim Yến	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TP01
1	DH61900427	Đặng	Ngọc Minh Châu	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D19_TP02
2	DH61900582	Nguyễn	Kiều Diễm	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_TP02
3	DH61903362	Phạm	Minh Duy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TP02
4	DH61902134	Đặng	Huỳnh Kim Ngân	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TP02
5	DH61901972	Nguyễn	Thị Bích Ngọc	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_TP02
6	DH61902496	Lê	Thị ý Nhi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TP02
7	DH61905298	Lê	Minh Sang	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_TP02
8	DH61904635	Nguyễn	Thị Mỹ Tiên	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D19_TP02
9	DH61902201	Lê	Thị Nhã Trân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TP02
10	DH61904795	Đặng	Thị Cẩm Tú	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_TP02
11	DH61901198	Lâm	Thị Cẩm Tú	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TP02
12	DH61905627	Nguyễn	Thị Cẩm Tú	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TP02
13	DH61902833	Nguyễn	Thị Vy	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0	D19_TP02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
14	DH61902257	Trần Thúy Vy	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TP02
15	DH61902245	Nguyễn Thị Hải Yến	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TP02
1	DH62003504	Đinh Ngọc Khánh Băng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP01
2	DH62002267	Phan Thị Phương Dung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP01
3	DH62001968	Võ Cao Hoàng Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
4	DH62002240	Nguyễn Quan Minh Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
5	DH62001596	Nguyễn Hữu Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
6	DH62003316	Huỳnh Thị Lê	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
7	DH62000011	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TP01
8	DH62000058	Thái Phúc Nguyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP01
9	DH62001081	Trần Uyển Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TP01
10	DH62003042	Trương Thị Thanh Nhi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TP01
11	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh Như	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TP01
12	DH62001232	Nguyễn Hoài Phong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
13	DH62001530	Nguyễn Thị Thanh Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
14	DH62003604	Lê Thị Thanh Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
15	DH62003916	Dương Trung Tính	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_TP01
16	DH62000724	Lê Thị Quế Trân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_TP01
17	DH62003273	Nguyễn Thị Kim Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
18	DH62003487	Trương Thị Thúy Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP01
1	DH62007220	Trương Huỳnh Th Phức An	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_TP02
2	DH62006441	Trần Thị Mộng Cẩm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
3	DH62004754	Trương Tô Dân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
4	DH62006450	Phạm Quốc Đạt	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP02
5	DH62007278	Trần Kiến Hòa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP02
6	DH62006455	Dương Đình Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
7	DH62007013	Nguyễn Văn Khoa	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_TP02
8	DH62004577	Đỗ Tuấn Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
9	DH62006466	Đặng Minh Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
10	DH62004798	Nguyễn Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
11	DH62004147	Nguyễn Ngọc Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
12	DH62006642	Nguyễn Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
13	DH62000184	Trần Vương Pháp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
14	DH62004857	Nguyễn Anh Quân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_TP02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
15	DH62004814	Trần Tú Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
16	DH62006496	Võ Thị Kim Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
17	DH62004812	Hà Bạch Kim Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
18	DH62006493	Nguyễn Trung Tín	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_TP02
19	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
20	DH62004919	Nguyễn Ngọc Tường Vi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
21	DH62006514	Trần Thanh Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02
22	DH62007265	Bùi Phi Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_TP02

Tổng số SV: **172**

Đã hoàn thành: **24**

Chưa hoàn thành: **148**

**\*Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

**Người lập bảng**

(Đã ký)

**KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022*

**Phụ trách phòng công tác Sinh viên**

(Đã ký)

**ThS. Lê Thị Phương Hằng**